

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-PT

Ngày 09 - 4 - 2019

Về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương;

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên số: 09/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn kiểm toán Đ.

Địa chỉ: L14 – 008B, Lầu 14, tòa nhà V, 72 L1, phường B1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cù Xuân T1 – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Đ1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 711, Tỉnh Lộ 43, khu phố 4, phường T2, Quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cơ khí L.

Địa chỉ: 59, đường N2, khu dân cư P, khu phố 3, phường T4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trần P – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy H (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2017).

(Ông Đ1, bà H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán Đ do ông Nguyễn Hồng Đ1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/7/2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán Đ (Đ) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cơ khí L (L) ký hợp đồng số 107/2016/HĐ – ĐNA – KT. Hai bên thỏa thuận công việc nguyên đơn phải làm là: Kiểm tra soát xét hồ sơ kế toán phù hợp với quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT); Điều chỉnh số liệu trên khai thuế GTGT (nếu có); Lập các tờ khai, mẫu biểu và chuẩn bị hồ sơ nộp cơ quan thuế để làm thủ tục hoàn thuế; Liên hệ cơ quan thuế để tiến hành nộp hồ sơ hoàn thuế và các thủ tục khác có liên quan. Phối hợp cùng nhân viên kế toán của bị đơn tham gia giải trình hồ sơ, số liệu liên quan đến thuế GTGT trong các kỳ khai thuế từ năm 2012 đến tháng 6/2016; Kiểm tra, hoàn thiện sổ sách kế toán năm 2015 đến tháng 6/2016. Thời gian thực hiện soát xét hồ sơ sổ sách chứng từ ở công ty L từ 03 đến 06 ngày ký hợp đồng. Thời gian làm hồ sơ hoàn thuế để nộp cho cơ quan thuế là 07 ngày kể từ ngày bên nguyên đơn in ấn, chuẩn bị hồ sơ, sổ sách kế toán đầy đủ theo quy định. Thời gian thực hiện công tác hoàn thuế là 90 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ cho cơ quan thuế. Phí dịch vụ tư vấn soát xét sổ sách chứng từ và hoàn thuế từ năm 2015 đến tháng 6/2016 là 60.000.000đ và 09% trên tổng số tiền thuế GTGT được ngân sách hoàn trả (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng). Phương thức thanh toán: L tạm ứng cho Đ số tiền 30.000.000đ ngay sau khi ký hợp đồng. Số tiền còn lại L sẽ thanh toán cho Đ ngay sau khi bị đơn được ngân sách nhà nước hoàn trả thuế giá trị gia tăng.

Công việc đã thực hiện xong đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng nên Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gồm 60.000.000đ phí tư vấn, soát xét sổ sách chứng từ và 09% trên tổng số tiền được Nhà nước hoàn trả cho bị đơn là 3.167.460.178đ = 285.000.000đ. L đã tạm ứng trước 30.000.000đ nên còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 315.000.000đ.

- Theo án sơ thẩm, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L do bà Nguyễn Thị Thúy H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/7/2016, Công ty Đ và Công ty L ký hợp đồng số 107/2016/HĐ – ĐNA – KT. Việc hai bên thỏa thuận đúng như Đ trình bày. Sau khi ký hợp đồng, L đã chuyển cho Đ số tiền tạm ứng 30.000.000đ. Tuy nhiên, Đ không thực hiện đúng như nội dung đã thỏa thuận. Cụ thể: Bên công ty kiểm toán chỉ đưa vài

người đến tư vấn sơ qua một số công việc để hoàn thuế, không kiểm tra soát xét hồ sơ kế toán và hoàn thuế GTGT; Công ty L phải lập các tờ khai, biểu mẫu và chuẩn bị hồ sơ nộp cơ quan thuế để làm thủ tục hoàn thuế và tự liên hệ cơ quan thuế để tiến hành nộp hồ sơ hoàn thuế và các thủ tục khác có liên quan. Bị đơn phải tự giải trình hồ sơ, số liệu liên quan đến thuế GTGT trong các kỳ khai thuế từ năm 2012 đến tháng 6/2016, kiểm tra, hoàn thiện sổ sách kế toán năm 2015 đến tháng 6/2016. L chỉ chấp nhận thanh toán cho Đ số tiền 30.000.000đ mà Đ đã nhận tạm ứng. Số tiền còn lại L không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn vì nguyên đơn ngoài việc xuống tư vấn ban đầu thì không làm thêm công việc gì khác theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng các Điều 318, 521, 522, 524, 525 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật thi hành án dân sự; Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán Đ số tiền 172.500.000đ (một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu số tiền 7.100.000đ án phí, được trừ vào số tiền 7.875.000đ tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 775.000đ tạm ứng án phí còn dư theo biên lai thu tiền số 008657 ngày 24/3/2017 của chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Bị đơn phải nộp án phí số tiền 8.600.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ của đương sự ở giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Kháng cáo:

Ngày 27/9/2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về

việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và qua nội dung đã được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, cho thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Vì theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên thì nguyên đơn chỉ thực hiện công việc đưa các nhân viên xuống tư vấn cho bị đơn ban đầu, còn lại hoàn toàn không thực hiện trách nhiệm gì của mình theo thỏa thuận tại Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng, ngay cả việc bị đơn có mail các tài liệu cho nguyên đơn để nguyên đơn tư vấn theo thỏa thuận của hợp đồng thì nguyên đơn cũng không trả lời gì. Cơ quan thuế cũng có công văn xác định nguyên đơn không có thực hiện công việc gì ở cơ quan thuế đối với việc báo cáo hoàn thuế giá trị gia tăng của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L làm đơn kháng cáo và nộp trong thời hạn kháng cáo nên được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000đ phí tư vấn, soát xét sổ sách chứng từ và 09% trên tổng số tiền được nhà nước hoàn thuế cho bị đơn là 3.167.460.178đ = 285.000.000đ. Bị đơn chỉ chấp nhận thanh toán số

tiền 30.000.000đ đã tạm ứng trước cho nguyên đơn, không chấp nhận thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng số: 107/2016/HĐ – ĐNA – KT ngày 25/7/2016 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn kiểm toán Đ thì hai bên thỏa thuận công việc Công ty Đ phải làm là: Kiểm tra soát xét hồ sơ kế toán, thuế phù hợp với quy định của pháp luật về thuế TNDN và hoàn thuế GTGT; Điều chỉnh số liệu trên khai thuế GTGT (nếu có); Lập các tờ khai, mẫu biểu và chuẩn bị hồ sơ nộp cơ quan thuế để làm thủ tục hoàn thuế; Liên hệ cơ quan thuế để tiến hành nộp hồ sơ hoàn thuế và các thủ tục khác có liên quan. Phối hợp cùng nhân viên kế toán của bị đơn tham gia giải trình hồ sơ, số liệu liên quan đến thuế GTGT trong các kỳ khai thuế từ năm 2012 đến tháng 6/2016; Kiểm tra, hoàn thiện sổ sách kế toán năm 2015 đến tháng 6/2016. Thời gian thực hiện soát xét hồ sơ sổ sách chứng từ ở công ty L từ 03 đến 06 ngày ký hợp đồng. Thời gian làm hồ sơ hoàn thuế để nộp cho cơ quan thuế là 07 ngày kể từ ngày bên bị đơn in ấn, chuẩn bị hồ sơ, sổ sách kế toán đầy đủ theo quy định. Thời gian thực hiện công tác hoàn thuế là 90 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ cho cơ quan thuế. Phí dịch vụ tư vấn soát xét sổ sách chứng từ và hoàn thuế từ năm 2015 đến tháng 6/2016 là 60.000.000đ và 9% trên tổng số tiền thuế GTGT được ngân sách hoàn trả (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng). Phương thức thanh toán: Bị đơn tạm ứng cho nguyên đơn số tiền 30.000.000đ ngay sau khi ký hợp đồng. Số tiền còn lại bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn ngay sau khi bị đơn được ngân sách nhà nước hoàn trả thuế giá trị gia tăng.

Xét thực tế việc thực hiện trách nhiệm của các bên theo hợp đồng đã giao kết thì:

Hai bên thừa nhận, ban đầu Công ty Đ có đưa một số nhân viên của mình đến tư vấn cho Công ty L.

Chứng minh cho việc thực hiện trách nhiệm của mình đối với hợp đồng, đại diện nguyên đơn trình bày là qua mối quan hệ của mình với cơ quan thuế, nguyên đơn đã trực tiếp liên hệ với cơ quan thuế để cơ quan thuế sớm thực hiện các thủ tục cho bị đơn được hoàn tất các thủ tục để được hoàn thuế giá trị gia tăng. Trình bày này của đại diện nguyên đơn không được bị đơn thừa nhận, bị đơn cho rằng nguyên đơn không thực hiện mà việc liên hệ cơ quan Thuế, nộp hồ sơ chứng từ cho việc báo hoàn thuế do chính bị đơn thực hiện và cơ quan thuế cũng có công văn trả lời về nội dung này. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn chỉ trình bày nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh, Hội

đồng có đặt vấn đề nguyên đơn có yêu cầu ngừng phiên tòa, cung cấp chứng cứ chứng minh việc liên hệ với cơ quan Thuế, cán bộ thuế để thực hiện trách nhiệm của mình theo hợp đồng để Tòa án xác minh, làm rõ việc thực hiện trách nhiệm của nguyên đơn theo thỏa thuận hợp đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu và xác định cũng không thể cung cấp nên không có cơ sở xác định là nguyên đơn đã thực hiện trách nhiệm của mình theo nội dung hợp đồng đã giao kết.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày và chứng minh rằng phía nguyên đơn ngoài việc đưa vài nhân viên xuống tư vấn ban đầu thì sau đó hoàn toàn không tiếp tục thực hiện trách nhiệm của mình theo như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do phía nguyên đơn không thực hiện, vì quyền lợi của Công ty mình nên bị đơn phải thực hiện hết tất cả các công việc để được cơ quan Thuế hoàn thuế theo quy định. Nguyên đơn thì không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh để phản bác lại trình bày của bị đơn và cũng chính đại diện của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa là các công việc khác theo thỏa thuận trong hợp đồng nguyên đơn không thực hiện vì nghĩ rằng tư vấn đã đầy đủ và sau đó không thấy bị đơn yêu cầu gì.

Điều đó cho thấy, nguyên đơn không thực hiện hết các trách nhiệm của mình theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã giao kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phải thanh toán số tiền 285.000.000đ (9% x số tiền 3.167.460.178đ mà bị đơn được hoàn thuế) là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 60.000.000đ phí tư vấn, soát xét sổ sách chứng từ. Yêu cầu này một phần là có căn cứ, vì theo thực tế thực hiện hợp đồng thì nguyên đơn có cử nhân viên của mình xuống tư vấn cho bị đơn về việc soát xét sổ sách chứng từ, việc này bị đơn cũng thừa nhận, các công việc còn lại chiếu theo nội dung của hợp đồng đã giao kết là trách nhiệm của nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thực hiện mà do bị đơn thực hiện và đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận tại phiên tòa là không thực hiện. Như vậy, nội dung này nguyên đơn đã thực hiện một phần công việc, nên việc nguyên đơn được nhận khoản thù lao 30.000.000đ là có cơ sở, hợp lý và bị đơn cũng đồng ý trừ vào số tiền 30.000.000đ nguyên đơn đã nhận tạm ứng. Do đó, không thể buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 30.000.000đ còn lại.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm là $315.000.000đ \times 5\% = 15.750.000đ$. Số tiền tạm ứng án phí 7.875.000đ nguyên đơn đã nộp được tính trừ, nguyên đơn còn phải nộp tiếp án phí là 7.875.000đ.

Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Về việc áp dụng pháp luật: Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp thương mại, nên về việc áp dụng luật nội dung phải áp dụng Luật thương mại để giải quyết, cấp sơ thẩm lại áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự là không phù hợp. Do đó, cũng cần phải sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L, sửa bản án sơ thẩm số 26/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Căn cứ điểm các điều 78, 79, 80 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn kiểm toán Đ đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L về việc thanh toán số tiền 315.000.000đ.

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn kiểm toán Đ phải nộp án phí sơ thẩm là 15.750.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 7.875.000đ Công ty Trách nhiệm hữu hạn kiểm toán Đ đã nộp (Theo biên lai thu số 008657 ngày 24/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B) được tính trừ, nguyên đơn còn phải nộp tiếp án phí là 7.875.000đ.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cơ khí L 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (Theo

biên lai thu số 009432 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Kinh tế, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thế Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thành Dương

Vũ Hồng Luyện

Vũ Thế Phương